TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15- AN GIANG** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:35/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2026
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15- AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nguyên
Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15- An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15- An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:352/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:183/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số:10/2026/QĐHPT-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; nơi thường trú:Tổ D, ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

Số căn cước công dân: 089186027468.

Bị đơn: Ông Trương Tuấn H, sinh năm 1984; nơi thường trú: Tổ D, ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

Số căn cước công dân: 089084029963.

(Bà L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông H1 vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị L trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông H hình thành do tự tìm hiểu yêu thương nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh

An Giang). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do hai người bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng làm ăn thua lỗ phát sinh nợ nên vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau, ông H còn có quan hệ với người khác bên ngoài, bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được, từ đó làm cho gia đình mất hạnh phúc. Hai người ly thân nhau 02 năm nay, không hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung:Trong quá trình trong chung sống bà và ông H có 02 (hai) con chung 1/Trương Phi Hổ, sinh ngày 24/3/2004; 2/Trương Tuấn Mạnh, sinh ngày 14/10/2016, hiện cháu H2 đã trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết, còn cháu M đang được bà nuôi dạy, khi ly hôn bà yêu cầu nuôi cháu M, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến; ông H cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Theo biên bản ghi nhận lời khai người thân của bà L và ông H thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hiện không còn sống chung với nhau nhiều năm.

Tại phiên tòa, bà L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn và về con chung là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H, đồng thời ông H vẫn thường trú trên địa bàn ấp V, xã V, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15- An Giang.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh An Giang) theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông H, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà L và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân, thời gian ly thân giữa ông bà đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, đều này phù hợp với các biên bản làm việc với người làm chứng, người cho ý kiến mà Tòa án thu thập được. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L và ông H có 02 (hai) con chung là Trương Phi H2, sinh ngày 24/3/2004 và Trương Tuấn M, sinh ngày 14/10/2016, hiện cháu H2 đã trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên bà L không yêu cầu giải quyết, còn cháu M đang được bà L nuôi dạy, khi ly hôn bà L yêu cầu nuôi cháu M. Xét thấy, cháu M còn nhỏ, từ trước đến nay được bà L trực tiếp nuôi dạy, tình cảm mẹ con đã thật sự gắn bó. Do đó, để tránh làm xáo trộn về mặt tâm lý đối với con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được tiếp tục nuôi dạy cháu Trương Tuấn M, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M là được sống với mẹ.

[4] Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử công nhận tự nguyện này của bà L.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 8, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

Về hôn nhân:Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trương Tuấn H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L được nuôi dạy con chung là Trương Tuấn M, sinh ngày 14/10/2016.

Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010580 ngày 01/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15- An Giang. (Bà L đã nộp đủ).

Ông Trương Tuấn H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án tuyên vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết bà L và ông H được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đỗ Ngọc Mai Thy

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 15- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 15- An Giang;
- UBND xã Vĩnh Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu Vp;
- Lưu HS.